

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai dự toán ngân sách năm 2026

TRƯỞNG THỐNG KÊ, THỐNG KÊ TỈNH ĐẮK LẮK

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 912/QĐ-CTK ngày 11/7/2025 của Cục Thống kê về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Thống kê tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thuộc Cục Thống kê;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 1401/QĐ-CTK ngày 30 tháng 12 năm 2025 của Cục trưởng Cục Thống kê Về việc giao dự toán NSNN năm 2026;

Theo đề nghị của trưởng phòng Tổ chức- Hành chính.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán ngân sách năm 2026 của Thống kê tỉnh Đắk Lắk (theo biểu đính kèm)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Trưởng phòng Tổ chức Hành chính, các đơn vị và cá nhân có liên quan tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Ban KHTC- CTK;
- Lãnh đạo TKT;
- Lưu :VT,TCHC, KT

TRƯỞNG THỐNG KÊ

Hồ Ngọc Quang

CỤC THỐNG KÊ
THỐNG KÊ TỈNH ĐẮK LẮK

Chương 018 Mã quan hệ ngân sách: 1164087

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số 04 ngày 12 /01/2026 của Trưởng Thống kê tỉnh Đắk Lắk)

Đơn vị tính: nghìn đồng

STT	Nội dung	Tổng số
	DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC	77.788.000
A	GIÁO DỤC, ĐÀO TẠO VÀ DẠY NGHỀ (LOẠI 070)	77.000
I	Đào tạo lại (khoản 085)	77.000
1	Kinh phí không thực hiện tự chủ	77.000
	Kinh phí chi đào tạo, bồi dưỡng cán bộ công chức	77.000
B	HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC CƠ QUAN QLNN (LOẠI 340- KHOẢN 341)	77.711.000
I	Kinh phí thực hiện tự chủ	31.941.000
1	Quỹ tiền lương biên chế	24.876.000
-	<i>Quỹ lương biên chế</i>	<i>24.876000</i>
2	Chi quản lý hành chính theo định mức	7.065.000
-	Chi quản lý hành chính theo định mức	7.065.000
II	Kinh phí không thực hiện tự chủ	45.770.000
1	Quỹ thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024	1.182.000
2	Kinh phí thuê trụ sở	156.000
3	Kinh phí sửa chữa, bảo dưỡng, cải tạo nâng cấp hạng mục công trình	1.500.000
4	Kinh phí thực hiện Tổng điều tra kinh tế, Tổng điều tra nông thôn, nông nghiệp, và điều tra thường xuyên định kỳ theo quy định	42.932.000
-	Kinh phí thực hiện điều tra thống kê thường xuyên	14.548.000
-	Kinh phí thực hiện Tổng điều tra nông thôn, nông nghiệp	986.000
-	Kinh phí các cuộc điều tra định kỳ	2.626.000
+	Điều tra lập bảng cân đối liên ngành và tính toán hệ số chi phí trung gian	2.476.000
+	Điều tra nhu cầu thông tin và mức độ hài long của người sử dụng thông tin thống kê năm 2026	150.000
-	Kinh phí thực hiện Tổng điều tra kinh tế	24.772.000

